

Ba Nhớ Hai Quên Nguyễn Quốc Lập

Có khi người ta nhớ là vì muốn nhớ, quên là vì muốn quên. Nghĩ lại thời là học sinh Quốc Học (1962-64), tôi nhớ đến Thầy Ngô Đốc Khánh, đến cái ngô nghê cù lằn của học sinh ban Văn Chương—Anh Ngữ, và nhớ thư viện của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ. Tôi muốn quên giờ học đầu tiên với Thầy Hoàng Phủ Ngọc Tường, và quên luôn chuyện học sinh ném đá sấn lưng giáo sư sau cuộc đảo chánh 1/11/63.

Nhớ Thầy Ngô Đốc Khánh

Thầy Khánh dạy Pháp văn cho lớp chúng tôi suốt ba năm liền. Theo ý nghĩ của tôi ở thời đó và đến cả bây giờ, thì từ hình dáng, cử chỉ và ngôn ngữ, Thầy là biểu tượng cho sự thanh lịch của một chàng công tử Hà Nội, từng một thời phong lưu và đa tình.

Ở trường lớp, hầu như lúc nào Thầy cũng xuất hiện trong một bộ complet trắng, sạch sẽ, thẳng thớm. Trang trọng chẳng khác gì y phục mà Tổng Thống Ngô Đình Diệm và các công chức cao cấp thường hay mặc trong các buổi lễ, nhưng complet của Thầy thì không bằng vải sharkskin trắng láng bóng mà quý vị này thích dùng.

Thầy giữ vóc dáng thẳng thớm khi bước đi, dùng chân, hay ngồi xuống. Dường như thời gian và sức khoẻ của tuổi già đã không làm cho vai hay lưng của Thầy mỗi ngày một cong đi đến độ mấy đứa chúng tôi thấy được. Thầy chậm rãi khoan thai, từ cái xoay lưng, lắc đầu, nâng tay. Tôi chưa bao giờ thấy Thầy làm một động tác gì đột ngột. Có thể rằng, trong sự hiện diện của Thầy, chẳng có sự kiện tự nhiên nào xảy ra một cách đột ngột, và bọn học sinh chúng tôi thì, khi có Thầy chẳng đura nào muốn làm chuyện gì đột ngột.

Thầy Khánh nói tiếng Bắc thuần túy. Từ chữ dùng, cách phát âm từng chữ, cách lên bổng xuống trầm trong một câu, nhất nhất chẳng một tí ảnh hưởng nào của Xứ Huế. Tiếng nói của Thầy chậm rãi và nhỏ nhẹ. Ngồi ở dưới băng ghế khi nghe giảng bài hay khi lên trả bài cạnh bàn Thầy, lúc nào tôi cũng nghe rõ giọng nói đó. Thầy giảng bài về tiếng Pháp, văn phạm Pháp, và cách hành văn Pháp. Thầy nói cho chúng tôi nghe về người Pháp và nền văn minh Pháp. Ký ức tôi không ghi lại lần nào Thầy nói về một hành động hay sự việc sai trái của một cá nhân nào ngoài đời hay của một học sinh nào trong lớp.

Thêm vào sự ngưỡng mộ lâu dài dành cho con người còn là một sự kính nể sâu sắc dành cho việc dạy dỗ của Thầy. Thầy Khánh thích thú và ung dung dạy tiếng Pháp cho học sinh ban Anh Ngữ trong thời điểm mà văn học nghệ thuật Mỹ đang tìm cách đánh bật văn học nghệ thuật Pháp trong lớp học cũng như ngoài đời. (Phim Mỹ, nói tiếng Pháp, phụ đề Việt Ngữ thịnh hành trong rạp xi nê vào thời buổi ấy có lẽ là một ngoại lệ, biểu hiện cho một sự lấp rập thương mại tạm bợ của ba thứ văn hóa.) Thầy đã truyền lại cho không ít học sinh trong lớp Văn Chương—Anh Ngữ của tôi sự thích thú và ung dung đó khi học tiếng Pháp. Không khi nào tôi thấy Thầy dùng một chữ, nói một câu, hay làm một cử chỉ tỏ vẻ, dù chỉ một chút thôi, sự nao núng hay nghi ngờ gì về giá trị của những gì mà Thầy đang dạy. Vì thế, trong tâm cảm tôi đâm ra thích tiếng Pháp như thích môn sinh ngữ chính của mình. Tôi học trọn hai cuốn *Cours de Langue et de Civilisation Françaises* bìa xanh chữ đỏ của Gaston Mauger, từ đầu đến cuối một cách thích thú và ung dung, có khi còn thấy thoải mái hơn là khi học mấy cuốn sách giáo khoa dành cho lớp Anh Ngữ.

(Thái độ khác biệt này một phần là do chuyện vào thời gian đó sách giáo khoa Anh Ngữ còn rất “hầm bà lằng”. Khi thì sách Mỹ “rặt” như *Practice Your English*, mà từ chữ dùng cho tới thí dụ lấy thẳng từ cuộc sống của chỉ nước Mỹ mà thôi, khi thì sách soạn cho học sinh bên Pháp, như

L'Anglais par la Conversation và *La Vie en Amérique*, với bài giảng và bài tập toàn bằng tiếng Pháp. Tính chất “khi Mỹ, khi Tây, không bao giờ Việt” của sách giáo khoa Anh Ngữ đã làm học sinh chúng tôi phần nào thờ ơ với những lời nói, việc làm, và suy tư của những nhân vật xuất hiện trong sách. Những người này, và xuyên qua họ, Anh Ngữ, không mang được tính sống động mà tôi tìm gặp trong của gia đình của Monsieur Vincent, phóng viên của tờ báo *Le Courier de Montréal* tại Paris, nhân vật hư cấu trong cuốn sách giáo khoa Pháp ngữ của Gaston Mauger.)

Bọn học sinh chúng tôi chỉ biết sơ sài về cuộc sống của Thầy Khánh bên ngoài trường. Nghe mấy “người lớn” cho biết rằng con gái Thầy là một trong những hoa khôi của trường Đồng Khánh, và tuy chưa biết mặt mũi “người đẹp” ra sao, một vài đứa chúng tôi đã thỉnh thoảng bôn cọt với nhau xin làm rể của Thầy. Chỉ bôn cọt và chỉ thỉnh thoảng thôi, vì đầu óc chúng tôi lúc đó đang chứa nhiều hình ảnh và suy nghĩ còn thích thú hơn nhiều, và trong thâm tâm, chúng tôi tự biết rằng hoa khôi Đồng Khánh sẽ không bao giờ làm quen với những học sinh trung học ngô nghê.

Nhớ Cái Ngô Nghê Của Học Sinh Ban Văn Chương—Anh Ngữ

Chúng tôi quả là ngô nghê thật. Gọi là “cù lôn” cũng rất đúng.

Chúng tôi là những cậu bé tuổi từ 16 đến 18 trong một trường học hoàn toàn dành cho con trai. (Năm tôi vào lớp Đệ Nhất cũng là năm trường Đồng Khánh thành lập lớp Đệ Nhất riêng của họ, không còn gửi nữ sinh qua học chung.) Những cậu bé này có thể đối phó với mấy bài học bài tập một cách tự nhiên và tự tin. Đa số chúng tôi biết phải làm gì, từ bước đầu tới bước cuối. Những kẻ xuất sắc trong đám lại nghĩ ra được những cách thức, bước đi mới để giải quyết vấn đề. Nhưng ở cuộc sống bên ngoài mấy bài học bài tập, ngay trong lớp học hay sân trường, chưa nói chi tới cái xã hội bên ngoài, chúng tôi không có được sự tự nhiên và tự tin đó. Trong tình huống tập thể này tình huống xã hội nọ, cụ thể phải xử sự ra sao, làm điều gì, nói cái gì cho phải cách, cho lịch sự lịch lãm, thì trong trăm đứa chúng tôi họa hoằn lắm mới có một vài đứa biết được. (Những học sinh này—tôi chợt nhớ đến anh Lê Xinh và anh Nguyễn Phan Thịnh—thường lớn hơn tuổi trung bình của lớp, có thể từ 3 đến 4 năm. Họ từ đâu đến? Chúng tôi không biết mặt họ trong thời gian đệ nhất cấp tại các trường ở Huế. Xuất hiện trong lớp rất đột ngột, có mặt trong lớp cũng ngắn ngủi, họ chợt đến, rồi chợt đi, và trong thời gian có mặt, họ chẳng thêm tiếp xúc gì với bọn trẻ con. Vì thế, bọn trẻ con chúng tôi chẳng học hỏi được gì từ họ.)

Mấy bài học và bài tập ở trường không giúp được gì trong chuyện xử sự sao cho lịch sự lịch lãm. Qua những áng văn chương cổ Việt Nam để học thuộc và bình giảng, chúng tôi tìm biết được những sắc thái tổng quát, một vài cử chỉ của mẫu người đàn ông Á Đông lý tưởng. Như, người thì “khô dạng trâm anh, nét na chương phủ,” mà ngôn ngữ thì “khí khái thì thảo Y Phó,” theo kiểu tài tử đa cùng của Cao Bá Quát. Hay, người thì “đề huê lưng gió túi trắng” mà khi muốn nghe “người đẹp” đàn thì “vội vàng sinh đã tay nâng ngang mày,” theo kiểu Kim Trọng. Nhưng phải làm gì cho có tình, có nghĩa khi một bạn học, một sớm nào đó bỗng đến lớp rất trễ, xuất hiện tại cửa lớp chỉ để thông báo với mọi người rằng anh phải thôi học và ngày mai anh lên đường nhập ngũ? Tại sao toàn thể lớp Văn Chương—Anh Ngữ chúng tôi chỉ biết ngồi yên tại chỗ, ngừng đầu lên rồi lại cúi xuống sách vở im lặng như tờ, trong khi anh ấy mặt tái xanh và giọng nói thì run run? Tại sao không ai, kể cả trưởng lớp, nghĩ tới chuyện xin phép thầy để thay mặt các bạn nói vài lời từ biệt? Hay, hơn thế nữa, cùng đứng dậy đến bắt tay từ biệt người bạn học? Tại sao một việc đơn giản như vậy mà không ai làm được? Có phải là ngô nghê cù lôn không?

Cuộc sống trong gia đình cũng mấy khi dạy cho chúng tôi chuyện lịch sự lịch lãm. Tôi nghĩ là chúng tôi, mấy đứa con trai Xứ Huế tuổi 16 đến 18, guồng nhau ở rất nhiều điểm, mà điểm quan trọng nhất là cha mẹ chúng tôi xem thành quả học hành là thành quả hàng đầu, nếu không nói là thành quả độc nhất cần xét tới. Mọi thành quả khác của chúng tôi, kể cả thể thao hay văn nghệ,

chỉ là thứ yếu. Vì thế, “cù lần cũng được” miễn sao là “học giỏi”! Hay, “nếu nhỏ mà học giỏi thì lớn lên tự nhiên sẽ thành lịch lãm”! (Có thể vì vậy mà ít người trong đám chúng tôi đánh giá cao những lời nói, việc làm mà một vài học sinh lớn tuổi cùng lớp có khi phô diễn và coi là biểu tượng cho tính chất lịch sự lịch lãm của họ. Đã vậy, chúng tôi đôi khi lại biến những lời nói việc làm này thành trò cười.)

Chúng tôi cũng còn giống nhau ở chỗ là hầu như ít có cơ hội để chủ động đề xướng, xếp đặt, điều hành một hoạt động tập thể hay xã hội có tính cách vui chơi, chỉ giữa người cùng trang lứa mà thôi, không dính dáng gì đến bài đến vở. Để mà qua đó học cách xử sự sao cho có tình có lý có thủy có chung. Để rồi trước thì còn xử sự “bài bản” và vụng về nhưng đến sau thì tự nhiên và đầu vào đó. Đại sự trong gia đình, như quan, hôn, tang, tế, không phải là thứ cơ hội cần thiết đó. Trong dịp đại sự gia đình, chúng tôi nhận công tác từ người lớn (như chùi nhà, lau bàn ghế, đánh bóng lư hương, đi mua trà trà vàng bạc, v.v.) và lập đi lập lại những động tác lễ nghi (bốn lạy ba vái, khăn khứa...) mà chúng tôi quan sát ở người lớn. Đó là một vai trò thụ động và bàng quang, mà đã là thụ động và bàng quang thì không thể nào lịch sự và lịch lãm được.

Lịch sự và lịch lãm thế nào được khi mà không biết Cô Hà Thị Phong, giáo sư Anh Văn, giáo sư hướng dẫn của lớp mình sắp lên xe hoa về nhà chồng? Khi mà biết rồi cũng vậy thôi, cũng tỉnh bơ, không có được một cử chỉ tập thể gì (thiệp, quà, bó hoa...) để chúc mừng Cô, để Cô biết rằng toàn cả lớp rất vui mừng? Khi mà đến lúc Cô Liên (tức Bà Phò) có lời trách móc cả lớp về sự sơ hở đó, vẫn thêm một lần nữa dừng dưng, như đang nghe chuyện về một người nào đó ở bên Phi Châu? Chờ đến bao giờ đây, dịp nào đây mới biểu lộ tình cảm và sự kính trọng đối với Cô Phong mà học sinh của lớp Văn Chương—Anh Ngữ ai ai cũng có? Đợi đến khi “người lớn” quyết định rồi phân chia công tác?

Sau này càng nghĩ tới những chuyện này tôi càng thấy mình và bạn học bụng thì chứa tới hai ba “bồ chữ” mà sao ngô nghê cù lần quá chừng. Nhưng đó là những suy nghĩ về sau, chứ hồi đó thì chúng tôi không ý thức đúng mức sự trầm trọng của cái ngô nghê và cù lần của mình. Chúng tôi quan tâm hơn, lo lắng hơn về chuyện làm sao nhồi nhét vào mấy cái bồ chữ này những thông tin dữ kiện văn chương khoa học nghệ thuật từ bất cứ nguồn cội nào trong tầm tay.

Nhớ Thư Viện Phòng Thông Tin Hoa Kỳ

Đối với một học sinh trung học không đồng xu dính túi, thư viện của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ tại Thành Phố Huế là nguồn cội trong tầm tay quan trọng nhất về những thông tin dữ kiện văn chương khoa học nghệ thuật.

Tôi nghe nói trường Quốc Học cũng có một thư viện, nhưng suốt ba năm liền tôi chưa khi nào vào thư viện đó và cũng không biết nó nằm chỗ nào, nếu quả thực trường có một thư viện. Thời buổi đó, khi nhắc đến chữ thư viện tôi nghĩ ngay đến Phòng Thông tin Hoa Kỳ. Đó là một ngôi nhà trệt hình chữ V quét vôi trắng đứng ở góc đường Lý Thường Kiệt và Lê Thánh Tôn (nay là đường Hà Nội) trông ra một ngã sáu. Trong thời Pháp thuộc, ngôi nhà này là nhà hàng thực phẩm và lò bánh mì Pháp Chaffengeon. Tôi thăm viếng tòa nhà này mỗi tuần ít nhất một lần, lắm khi vì óc đói và một đôi khi vì bụng đói. Lần nào tới thăm rồi thì khi ra về tôi đều cảm thấy no nê.

Tôi đến thư viện Phòng Thông Tin Hoa Kỳ để “nhìn” vào nước Mỹ, để tìm biết chuyện gì đang xảy ra trong thế gian bên ngoài nước Việt Nam, và để tìm tòi về nghệ thuật nước Mỹ. Những hoạt động nhìn tìm đó diễn ra trong một ngôi nhà mát mẻ sạch sẽ, nhờ sự hướng dẫn tận tình của các nhân viên thư viện, mà đáng mến nhất là Ông Bosco, một người Việt sắc diện hồng hào, phong thái hòa nhã vui vẻ.

Qua những tạp chí nhiều hình hơn là chữ tôi đã thấy được mặt mũi, áo quần, nhà cửa, xe cộ, hàng quán, và sinh hoạt hằng ngày từ hết địa phương này đến địa phương khác trong nước Mỹ. Những điều “nhìn” này sống động hơn và thực hơn những cái gì tôi đã “học” được về nước Mỹ trong các sách giáo khoa Anh Ngữ do người Mỹ soạn. Tạp chí tôi đọc thường xuyên nhất là *Arizona Highways* mà nội dung lúc nào cũng đầy hình ảnh sa mạc, bụi xương rồng, trong vùng đất hoang thì xe 4x4 chạy tung bụi, và ngoài đường lộ thênh thang thì mấy chàng “cao bồi” thú thiệt hùng dũng trên các con tuấn mã thân nâu tuyền đuôi dài vàng óng ánh.

Tôi đọc các tạp chí thời sự, như *Time* và *Life*, theo kiểu “mò mẫm”. Bài tường thuật hay phóng sự dài một trăm chữ thì biết đâu được ba chục chữ, bảy chục chữ còn lại thì đoán mò. Lấy nội dung của bài mà phỏng chừng ý nghĩa của những chữ “khó”. Đọc xong về nhà nhớ mang máng được chữ “khó” nào thì lấy tự điển ra tra nghĩa và cách phát âm. Dần dà, mỗi tuần biết thêm được chừng ba chữ mới. Lúc đó thì không ý thức được, nhưng đọc riết các tạp chí thời sự Mỹ tôi đâm ra thích những câu văn, Anh cũng như Việt, thiệt ngắn gọn và trực tiếp, và bực mình với những câu hai ba mệnh đề chòng chéo nhau.

Đọc các tạp chí thời sự, tôi biết được nhiều chuyện “lắm cảm” bên Mỹ mà chắc kể lại bạn bè chẳng ai muốn nghe. Vì thế biết mà chỉ để bụng. Như chuyện Tony Boyle chủ tịch nghiệp đoàn thợ mỏ thuê người ám sát đối thủ chính trị Jock Yablonski, hay chuyện William Buckley Jr. một sinh viên tại đại học Yale viết cuốn “God and Man at Yale” để đả kích thái độ vô thần của thầy bạn trong trường. Hóa ra Xứ Mỹ thì tôi biết rõ dây mơ rễ má mà con người và đất đai của quê nội Triệu Phong Quảng Trị thì hoàn toàn mù tịt, dẫu rằng cả hai nơi này tôi chưa lần nào đặt chân tới.

Thú vị nhất trong thư viện của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ là các sách về nghệ thuật. Cuốn tự điển Larousse của tôi tuy có nhiều hình tranh, điêu khắc, và kiến trúc, nhưng hình thì phần lớn đen trắng, nhỏ tí xíu, và tập trung vào nghệ thuật cổ Châu Âu. Gặp lại những hình tranh, điêu khắc và kiến trúc này trong mấy cuốn sách khổ lớn nhiều màu thì chẳng khác gì mới gặp lần đầu. Chi tiết mới, màu sắc mới, nếu trước năm như đẹp lép trong không gian hai chiều thì nay như mang thêm chiều sâu. Quan trọng hơn thế nữa, những cuốn sách này cho tôi thấy cái số lượng khổng lồ và chất lượng thiên hình vạn trạng xuất phát từ trí tưởng tượng sáng tạo của người Mỹ. Những cuốn sách đó không định nghĩa “đẹp” là cái gì, nhưng tôi tự ý kết luận rằng mỹ thuật không nhất thiết phải là về cái “đẹp”, và “đẹp” không nhất thiết phải là mუმ mუმ, màu mè, rực rỡ, hoành tráng như công trình của Michelangelo, Rubens, hay Tintoretto mà tôi đã bắt gặp trong cuốn Larousse. Tôi đã thực sự xúc động bởi cái đẹp trong tranh thiên nhiên của Georgia O’Keeffe, trong điêu khắc di động của Alexander Calder, trong kiến trúc phản qui ước của Frank Lloyd Wright. (Sau này tại nước Mỹ, khi đứng trước hay bên trong những công trình nghệ thuật này, tôi có cảm tưởng như đang chuyện trò với những người bạn cố tri bao lâu xa cách.)

Đói óc thì đến thư viện của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ. Đói bụng thì đến lò bánh mì nằm trong một góc sau lưng thư viện. Mặc dù hiệu bánh này nằm trong một xó lụp xụp, không bao giờ có bóng một ông tây “mũi lõ” nào, và chưa bao giờ nó được xác định là “hậu duệ” của Chaffengeon ngày xưa, chúng tôi vẫn có thói quen gọi nó là hiệu bánh mì Chaffengeon. Có thể rằng hiệu bánh sản xuất được nhiều mặt hàng, nhưng chúng tôi đến đó là chỉ để mua độc nhất một thứ: Pâté chaud. Ngay trong thời gian đó, tôi không thể khẳng định rằng pâté chaud của Chaffengeon rất ngon. Tôi cũng chẳng biết bánh làm bằng dầu gì, thịt gì. Nhưng tôi biết chắc rằng tôi có được cái cảm giác phơi phơi của một người vừa thực hiện được một công trình đáng kể gì đó, mỗi khi tôi dành dụm được đủ tiền để theo anh Nguyễn Đức Hòa, bạn cùng lớp cùng xóm giềng, hay hai anh Nguyễn Văn Đính và Đoàn Tư, đạp xe đạp đến hiệu mua một cái pâté chaud. Mãi mãi sau này, tôi không bao giờ so sánh pâté chaud do thân nhân, bạn bè, hay các hiệu khác làm, với pâté chaud của Chaffengeon. Tôi biết không thể và không nên so sánh cái bánh với một kỷ niệm.

Tôi đã viết về ba điều tôi muốn nhớ: Thầy Khánh, sự ngô nghê của học sinh lớp Văn Chương— Anh Ngữ, và thư viện của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ. Tôi muốn quên đi giờ học đầu tiên với Thầy Hoàng Phủ Ngọc Tường và chuyện học sinh ném đá sấn lưng giáo sư sau cuộc đảo chánh 1/11/63. Mà đã muốn quên đi thì không thể nào muốn viết được. Tôi dành hai đề tài này cho những người đã trải qua những sự việc này và vẫn muốn nhớ. Tôi chờ đợi và sẽ đọc ngẫu nhiên những giòng hồi ký của họ.



Nguyễn Quốc Lập: Sau Quốc Học, du học New Zealand; dạy kinh tế chính trị tại đại học Wellington, Huế và Đà Lạt; sau 30/4/75, học tập cải tạo 7 năm; vượt biên, tốt nghiệp Ph.D. về kinh tế tại đại học Rutgers (New Jersey); dạy ở Rutgers 3 năm; hiện làm việc trong một công ty tài chính ở Washington, DC.